

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 28-7-2022  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Việt Tú  
2. Bà Lê Thị Hồng Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*có mặt*).

*Bị đơn:* Anh Hà Văn O, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt lần thứ 2 không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021, tại bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn anh Hà Văn O kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/10/2004, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh O không chịu làm ăn, lại còn nghiện ma túy, phải đi cai nghiện nhiều lần; khi trở về anh O tiếp tục nghiện ma túy và không chịu làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2017 đến nay, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh O không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh O để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Hà Anh D, sinh ngày 28/4/2005; Hà Phương L, sinh ngày 08/8/2010 và Hà Chi L, sinh ngày 27/4/2013. Hiện nay cháu L và cháu L đang ở cùng với chị, còn cháu D đang ở cùng với anh O. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu L; anh Hà Văn O trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã báo anh O hợp lệ nhưng anh O không đến giải quyết việc chị H xin ly hôn nên Tòa án phải tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh O. *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm*:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 149; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn O.

*Về con chung*: Giao 02 con chung là Hà Phương L, sinh ngày 08/8/2010 và Hà Chi L, sinh ngày 27/4/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 01 con chung là Hà Anh D, sinh ngày 28/4/2005 cho anh Hà Văn O trực

tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn O có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Do chị H không đề nghị xem xét, nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

*Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Về lệ phí:* Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí chi phí tố tụng đăng báo công lý và đăng tin tại Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh O đến để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng anh O vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông tin trên báo Trung ương ba số báo liên tiếp; trên Đài truyền thanh trong ba ngày liên tiếp; trên cổng thông tin điện tử Tòa án và tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ và đưa vụ án ra giải quyết, xét xử vắng mặt anh O là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Hà Văn O thấy rằng:* Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 16/10/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã T thể hiện: Trong đời sống hôn nhân, vợ chồng chị H và anh O đã sống ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm đến nhau. Trong khi đó, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh O; đã thông tin trên báo Trung ương ba số báo liên tiếp; trên Đài truyền thanh trong ba ngày liên tiếp nhưng anh O cố tình vắng mặt, không tham gia hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh O đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh O, cho chị H được ly hôn anh O để ổn định cuộc sống.

2.2. *Về con chung:* Chị H và anh O có 03 con chung là Hà Anh D, sinh ngày 28/4/2005; Hà Phương L, sinh ngày 08/8/2010 và Hà Chi L, sinh ngày

27/4/2013. Hiện nay cháu Ly và cháu L đang ở cùng chị H; cháu D đang ở cùng anh O. Xét nguyện vọng của cháu Ly và cháu L thì cả hai cháu có nguyện vọng được ở với chị H. Do đó, để đảm bảo sự ổn định cho các con chung của anh chị, cần giao 02 con chung là Hà Phương L và Hà Chi L cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao 01 con chung là Hà Anh D cho anh Hà Văn O trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Chị H và anh O có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về lệ phí:* Chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 149; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

*Xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn O.

2. *Về con chung:* Giao 02 con chung là Hà Phương L, sinh ngày 08/8/2010 và Hà Chi L, sinh ngày 27/4/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 01 con chung là Hà Anh D, sinh ngày 28/4/2005 cho anh Hà Văn O trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh O không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh chị không yêu cầu, nhưng chị H và anh O có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007757, ngày 05/01/2022; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về lệ phí:* Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) lệ phí Tòa án. Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền lệ phí.

Chị H có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hán Hưởng**

